

Nhon Trạch, ngày 14 tháng 7 năm 2026.

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân có đất bị thu hồi thuộc dự án Nâng cấp đường 25B cũ đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 7 năm 2026.

Tại: UBND phường Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|------------------------------|---|
| 1. Ông: Đào Minh Tâm | Chức vụ: PCT. UBND phường Nhơn Trạch. |
| 2. Ông: Nguyễn Huy Sang | Chức vụ: Phó CT UBMTTQ xã Nhơn Trạch. |
| 3. Ông: Trần Đỗ Nhật Trường | Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị. |
| 4. Ông: Huỳnh Mộng Tâm | Chức vụ: Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch. |
| 5. Ông: Nguyễn Thanh Tâm | Chức vụ: Trưởng Khu phố Hiệp Phước. |
| 6. Ông: Nguyễn Thị Hồng Thắm | Chức vụ: Trưởng Khu phố Phú Hội. |

Nội dung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 1379/HĐTĐGD ngày 11/3/2026 của Hội đồng thẩm định giá phường Nhơn Trạch về việc thẩm định giá đất cụ thể để bồi thường dự án Nâng cấp đường 25B cũ đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch.

Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai- Chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp cùng các Ban ngành, đoàn thể và UBND phường tiến hành niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân thuộc dự án Nâng cấp đường 25B cũ đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch trên bảng thông tin của UBND phường Nhơn Trạch và bảng thông tin sinh hoạt chung tại Nhà văn hóa ấp với sự chứng kiến của Ban ngành đoàn thể, UBND phường và Khu phố nơi có đất thu hồi.

Đồng thời, UBND phường đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp phường trong thời gian 10 ngày theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

(Đính kèm phương án bồi thường và các biểu mẫu).

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút, cùng ngày đã thông qua cho các thành viên nêu trên nghe, biên bản được lập thành 04 bản.

TM. UBMTTQ VN PHƯỜNG

**TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH**

Nguyễn Huy Sơn

PHÒNG KINH TẾ PHƯỜNG NHƠN TRẠCH

KHU PHỐ

Trần Đỗ Văn Tuấn

Nguyễn Cảnh Hồng

UBND PHƯỜNG NHƠN TRẠCH



**CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**

Đào Minh Tâm



Số: /PA-TTPTQĐ

Nhơn Trạch, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

**V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp
đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51,
huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch.
(Niêm yết công khai lấy ý kiến)**

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;



Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc Quyết định chủ trương Đầu tư một số dự án Nhóm B, Nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, xã Long Thành và xã Nhơn Trạch;

Căn cứ Công Văn số 3690/UBND-KTN ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công Văn số 3887/UBND-KTNS ngày 16/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch;

II/ TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Tổng quan dự án:

- Tổng diện tích toàn tuyến: 85,5 ha
- Đã hoàn thành công tác bồi thường: 311.255,2m² (trong đó có 231.208,3m² đất công). Còn lại 80.046,9m² đất của hộ dân tiếp tục thực hiện công tác bồi thường.
- Chiều dài đoạn tuyến đang thực hiện khoảng: 10 km
- Tổng số: 230 hồ sơ (trong đó 205 trường hợp có đất thu hồi và 25 trường hợp có tài sản trên đất người khác).

2. Tổng diện tích thu hồi Dự án 12: 5.398,9 m²

- Đất nông nghiệp: 5.014,8m², trong đó:

- + Đất trồng cây lâu năm : 220,8 m².
- + Đất trồng hàng năm : 2.887,7 m².
- + Đất trồng lúa : 1.906,3 m²

- Đất phi nông nghiệp: 384,1m², trong đó:

- Đất giao thông : 160,1 m².
- Đất ở tại nông thôn : 224,0 m².

3. Tổng số trường hợp có đất, tài sản thu hồi:

- Tổng số: 25 trường hợp.

Trong đó:

- 19 trường hợp có đất thu hồi.
- 05 trường hợp tài sản trên đất người khác.
- 01 Đất công

III/ CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2/ Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng:

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

IV. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ:

1/ Cơ sở xét tái định cư:

- Căn cứ Điều 111 Luật đất đai năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND của tỉnh Đồng Nai.
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Nhơn Trạch và nhận định dự kiến của Tổ quản lý và phát triển quỹ đất (Hộ thu hồi đất ở không phải di chuyển chỗ ở, không thu hồi đất ở, không có nhà ở và không di chuyển chỗ ở).

2/ Kết quả nhận định và xét cấp tái định cư:

- Tổng số xét tái định cư: 25 trường hợp, kết quả như sau:
- Các trường hợp đủ điều kiện xét cấp tái định cư: 0 trường hợp.
- Các trường hợp không đủ điều kiện xét cấp tái định cư là: 25 trường hợp.

(Đính kèm danh sách chi tiết từng trường hợp xét tái định cư)

3/ Phương án bố trí, giao đất tái định cư:

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu TĐC Phước An tại xã Phước An và khu tái định cư Phước Thiện.
- Quy mô về quỹ đất dự kiến: 1.187 lô.
- Quy mô về hạ tầng kỹ thuật: đã thi công hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích lô đất tái định cư trung bình (dự kiến): $5m \times 20m = 100m^2$.
- Hình thức tái định cư: Giao nền đất.

4/ Nghĩa vụ tài chính đối với các hộ được bố trí tái định cư:

Tiền sử dụng đất căn cứ theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

5/ Thời điểm giao lô tái định cư:

Dự kiến bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi sau khi Chủ tịch UBND phường Nhơn Trạch phê duyệt Phương án bố trí, giao đất tái định cư; thời gian, địa điểm tổ chức bốc thăm sẽ được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch thông báo đến từng hộ gia đình, cá nhân.

V/ GIÁ TRỊ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Giá trị bồi thường: 16.449.241.000 đồng

Trong đó:

a. Bồi thường đất: 13.560.511.000 đồng

b. Nhà, VKT: 2.576.730.000 đồng

c. Cây trồng: 0 đồng

d. Hỗ trợ các loại: 0 đồng

e. Thưởng di dời: 312.000.000 đồng

2. Chi phí hoạt động bồi thường (1) x 3.5%: 575.723.000 đồng

Trong đó:

2.1. Chi phí UBND xã (2) x 15 %: 86.358.000 đồng

2.2. Chi phí TTPTQĐ (2) x 85 %: 489.365.000 đồng

3. Tổng giá trị bồi thường (1+2): 17.024.964.000 đồng

(Mười bảy tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)

Trên đây là phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, xã Long Thành và xã Nhơn Trạch.



STT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng số	DT đất nông nghiệp				DT đất rừng				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường đi đời	Tổng cộng
					Tổng	Đất ở tại nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất rừng cây lâu	Đất rừng cây hàng	Đất rừng lùa	Đất rừng lùa					
1	232 - 221BS	UBND phường Nhon Trach	Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhon Trach, phường Nhon Trach, TT. Đồng Nai	160,1	160,1	-	160,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	234	Bà Duy Trương (cò HS số 039)	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	74	-	-	-	74	-	-	-	-	186.480.000	-	-	4.000.000	190.480.000
3	235	Nguyễn Thị Ngân (TS trên đất ông Bào Duy Trương)	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	164.171.000	-	-	164.171.000
4	236	Nguyễn Thị Ngân	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	327,2	-	-	-	327,2	-	-	-	-	824.544.000	552.561.000	-	20.000.000	1.397.105.000
5	237	Trần Bá Tịch - Nguyễn Thị Yên	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	144	144	-	-	-	-	-	-	-	362.880.000	-	-	20.000.000	382.880.000
6	238	Nguyễn Thị Xuân (TS trên đất Trần Bá Tịch - Nguyễn Thị Yên)	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	505.031.000	-	-	505.031.000
7	239	Trần Văn Sự	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	5,5	-	-	-	5,5	-	-	-	-	13.860.000	200.117.000	-	16.000.000	229.977.000
8	240	Trần Văn Lực	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	199,2	40	40	-	159,2	-	159,2	-	-	1.002.704.000	285.411.000	-	20.000.000	1.308.115.000
9	241	Trần Văn Lý (TS trên đất Trần Văn Lực)	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78.182.000	-	-	78.182.000
10	242	Trần Văn Thái (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	18,7	-	-	-	18,7	-	-	-	-	47.124.000	71.208.000	-	8.000.000	126.332.000
11	243	Trần Văn Lý (TS trên đất Trần Văn Thái (đã chết) - Chưa xác định người thừa kế)	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	220.714.000	-	-	220.714.000
12	244	Trần Văn Lý	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	185,2	40	40	-	145,2	-	145,2	-	-	967.424.000	-	-	20.000.000	987.424.000
13	245	Trần Văn Sự (TS trên đất Trần Văn Lý)	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	499.335.000	-	-	499.335.000
14	246	Nguyễn Thị Gang (chết) - Chưa xác định hàng thừa kế	P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	220,8	-	-	-	220,8	-	-	-	-	499.670.000	-	-	16.000.000	515.670.000
15	247	Tổng Ngọc Loan	Biên Hòa, Đồng Nai	461,8	-	-	-	461,8	-	246,2	215,6	-	1.163.736.000	-	-	20.000.000	1.183.736.000
16	248	Nguyễn Ngọc Phương	Khu phố Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	184,9	-	-	-	184,9	-	32,9	152	-	465.948.000	-	-	16.000.000	481.948.000
17	249	Nguyễn Thu Hương	45 QL1, Hòa An, Biên Hòa, Đồng Nai	464,3	-	-	-	464,3	-	-	464,3	-	1.170.036.000	-	-	20.000.000	1.190.036.000
18	250	Ngô Kim Hồng - Đặng Văn Sang	Kp. Phước Kiểng, P. Nhon Trach, Tp. Đồng Nai	242	-	-	-	242	-	-	242	-	609.840.000	-	-	20.000.000	629.840.000
19	251	Hồ Thanh Hùng	Đất Mỏn, Phú Hội, Nhon Trach, Đồng Nai	206,2	-	-	-	206,2	-	-	206,2	-	519.624.000	-	-	20.000.000	539.624.000
20	252	Chưa xác định chủ sử dụng (253/46b)	Chưa xác định	54,5	-	-	-	54,5	-	-	54,5	-	137.240.000	-	-	12.000.000	149.240.000
21	253	Chưa xác định chủ sử dụng (253/46b)	Chưa xác định	54,4	-	-	-	54,4	-	-	54,4	-	137.088.000	-	-	12.000.000	149.088.000
22	254	Chưa xác định chủ sử dụng (253/46b)	Chưa xác định	116,1	-	-	-	116,1	-	-	116,1	-	292.572.000	-	-	16.000.000	308.572.000
23	255	Lê Thị Mỹ Châu	550 Bui Đình Tụy, P. Bình Thạnh, Tp. HCM	1281,6	-	-	-	1281,6	-	-	-	-	2.990.261.000	-	-	20.000.000	2.990.261.000
24	256	Nguyễn Thanh Hải	61/113A Điện Biên Phủ, P. Bàn Cờ, Tp. HCM	69,9	-	-	-	69,9	-	-	-	-	158.184.000	-	-	12.000.000	170.184.000
25	257	Hoàng Vũ Uyên Linh	Số 29 Hồ Ba Kịch, P. Hòa Hưng, Tp. HCM	928,5	-	-	-	928,5	-	928,5	-	-	2.101.196.000	-	-	20.000.000	2.121.196.000
Tổng				5398,9	384,1	224	160,1	5014,8	220,8	2887,7	1906,3	-	13.560.211.000	2.576.730.000	-	312.000.000	16.449.241.000
Trong đó:																	575.723.000
1. Kinh phí từ chức thực hiện bồi thường 3,5%																	16.449.241.000
2. Kinh phí từ chức thực hiện bồi thường 3,5%																	86.358.000
3. Kinh phí từ chức thực hiện bồi thường 3,5%																	17.024.964.000

Bảng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng



STT	Mã số	Họ và tên	Số 1 Phụ vụ Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	Hỗ trợ tài chính cơ	Hỗ trợ an định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ đào tạo, học nghề	Hỗ trợ tái thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
					Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm									
1	232 - 221BS	UBND phường Nhơn Trạch	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	234	Đào Duy Trường (có HS số 039)	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.000.000	4.000.000
3	235	Nguyễn Thị Ngân (T/S trên đất ông Đào Duy Trường)	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	236	Nguyễn Thị Ngân	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
5	237	Trần Bá Tích - Nguyễn Thị Yên	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
6	238	Nguyễn Thị Xuân (T/S trên đất Trần Bá Tích - Nguyễn Thị Yên)	Khu phố Phước Lai, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	239	Trần Văn Sự	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000	16.000.000
8	240	Trần Văn Lực	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
9	241	Trần Văn Lý (T/S trên đất Trần Văn Lực)	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	242	Trần Văn Thủ (Đã chết) - Chua xác định người thừa kế	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.000.000	8.000.000
11	243	Thú (Đã chết) - Chua xác định người thừa kế	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	244	Trần Văn Lý	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
13	245	Trần Văn Sự (T/S trên đất Trần Văn Lý)	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	246	Nguyễn Thị Cưng (chết) - Chua xác định hàng thừa kế	P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000	16.000.000
15	247	Tổng Ngọc Loan	1603/2/21 CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
16	248	Nguyễn Ngọc Phương	Khu phố Phước Thuận, TT. Long Thành, Long Thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000	16.000.000
17	249	Nguyễn Thu Hương	45 QL1, Hòa An, Biên Hòa, Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
18	250	Ngô Kim Hồng - Đặng Văn Sang	Kp. Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
19	251	Hồ Thanh Hùng	Đất Mũi, Phú Hòa, Nhơn Trạch, Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
20	252	Chua xác định chủ sử dụng (253/46b)	Chua xác định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.000.000	12.000.000
21	253	Chua xác định chủ sử dụng (253/46b)	Chua xác định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.000.000	12.000.000
22	254	Chua xác định chủ sử dụng (253/46m)	Chua xác định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000	16.000.000
23	255	Lê Thị Mỹ Châu	550 Bùi Đình Túy, P. Bình Thạnh, TP. HCM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
24	256	Nguyễn Thanh Hải	61/1/113A Điện Biên Phủ, P. Bàn Cờ, TP. HCM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.000.000	12.000.000
25	257	Hoàng Vũ Uyên Linh	Số 29 Hồ Ba Kiển, P. Hòa Hưng, TP. HCM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng				0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	312.000.000	312.000.000

Bảng chữ: Ba trăm mười hai triệu đồng



BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT

Địa chỉ: Nhơn Trạch

(Kèm theo Phương án số/PA-TTP.TQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số T	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)						Diện tích hỗ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
							Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất nông nghiệp			Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa			Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSD, số tờ, số thửa, diện tích m ² , loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSD với diện tích thực tế	Chưa cấp GCNOS DB (NG, TD SDB, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
										DT đất Phi nông	DT đất Nông nghiệp												
1	232 - 221B S	UBND phường Nhơn Phú, Trach, TP. Đồng Nai.	Số 1 Phạm Văn Thuần, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trach, TP. Đồng Nai.	251	91a	13,4	13,4	13,4	-	13,4	-	13,4	-	-	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đất công	-	-	-	UBND phường Nhơn Trach quản lý	-	Thửa 1179 tờ 10 cũ tương ứng thửa 91c, 175b tờ 39 mới (nay là tờ 251) đã được UBND huyện Nhơn Trach cấp giấy CN QSDĐ số X 525038, cấp ngày 30/9/2003, chính lý biên động trang tư cho ông Đào Duy Trường ngày 22/4/2008	
				35	227d	316	140,8	140,8	-	140,8	-	-	-	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 50); Đất công	-	-	UBND phường Nhơn Trach quản lý	-				
				253	47c	5,9	5,9	-	5,9	-	-	-	-	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 50); Đất công	-	-	UBND phường Nhơn Trach quản lý	-				
				251	91c	18	18	-	18	-	-	18	-	-	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đường (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trach đến đường Trần Phú	2.520.000	-	-	-	-		

[illegible]

[illegible]

6	240	Trần Văn Lục	Khu phố Phước Kiếng, P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai	250	43b	14,8	14,8	14,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14,8	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CN.QSDĐ số AL 937773, cấp ngày 08/8/2008 (thửa 2424 tờ 10 cũ tương ứng thửa 45, 42d, 43b, 44b tờ 38 mới (nay là tờ 250))
7	241	Trần Văn Thủ (đã chết) - Chăm sóc	Khu phố Phước Kiếng, P.	250	42d	9,2	9,2	9,2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,2	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CN.QSDĐ số AL 937773, cấp ngày 08/8/2008 (thửa 2424 tờ 10 cũ tương ứng thửa 45, 42d, 43b, 44b tờ 38 mới (nay là tờ 250))
7	242	Trần Văn Thủ (đã chết) - Chăm sóc	Khu phố Phước Kiếng, P.	250	44b	71,5	71,5	71,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71,5	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CN.QSDĐ số AL 937773, cấp ngày 08/8/2008 (thửa 2424 tờ 10 cũ tương ứng thửa 45, 42d, 43b, 44b tờ 38 mới (nay là tờ 250))
7	243	Trần Văn Thủ (đã chết) - Chăm sóc	Khu phố Phước Kiếng, P.	250	43a	75,4	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CN.QSDĐ số AL 937773, cấp ngày 07/4/2008 (thửa 170 tờ 10 cũ tương ứng thửa 42b, 43a tờ 38 mới (nay là tờ 250))

1.002.704.000

47 174 000

[illegible]

9	246	Nguyễn Thi Cang (chết) - Chưa xác định hàng thừa kế	P. Nhơn Trach, Tp. Đồng Nai	38	148c	220,8	220,8	220,8	-	220,8	-	220,8	-	-	-	-	220,8	-	220,8	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	2.263.000	499.670.000	Được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSD đất số K 458543, cấp ngày 25/10/1997 (thửa 122 từ 15 cũ) (theo CCTT số 410/VPPĐK.NT-TTLT ngày 19/5/2026 của VPĐKKDD chỉ nhánh Nhơn Trạch)	Chưa xác nhận
																								Chưa xác nhận	
10	247	Tổng Ngọc Loan	160/31/2/1 1 CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	253	47a	484,5	220,8	246,2	246,2	246,2	-	246,2	-	246,2	-	-	246,2	-	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	1.163.736.000	Chưa xác nhận		
																							Chưa xác nhận		
11	248	Nguyễn Ngọc Phương	Khu Phước Thuận, TT. Long Thành, Long Thành	253	46e	157,9	152	152	-	152	-	152	-	152	-	-	152	-	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	465.948.000	Chưa xác nhận		
																							Chưa xác nhận		

12	249	Nguyễn Thu Hương	45 QL1, Hòa An, Biên Hòa, Đồng Nai	253	46b	921	464,3	-	464,3	-	-	-	-	-	-	464,3	-	464,3	-	464,3	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	1.170.036.000		Chưa xác nhận	
13	250	Ngô Kim Hồng - Đặng Văn Sang	K.p. Phước Kiếng, P. Nhon Trạch, Tp. Đồng Nai	253	46g	445,6	242	-	242	-	-	-	-	-	-	242	-	242	-	242	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	609.840.000		Chưa xác nhận	
14	251	Hồ Thanh Hùng	Đất Mới, Phú Hội, Trach, Đồng Nai	253	46f	390	206,2	-	206,2	-	-	-	-	-	-	206,2	-	206,2	-	206,2	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	519.624.000		Chưa xác nhận	
15	252	Chưa xác định chủ sử dụng (253/46h)	Chưa xác định	253	46h	161,3	54,5	-	54,5	-	-	-	-	-	-	54,5	-	54,5	-	54,5	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	137.340.000		Chưa xác nhận	
16	253	Chưa xác định chủ sử dụng (253/46k)	Chưa xác định	253	46k	67,9	54,4	-	54,4	-	-	-	-	-	-	54,4	-	54,4	-	54,4	-	Vị trí 1 (từ mốc HLATDB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	137.088.000		Chưa xác nhận	

17	254	Chưa xác định chủ sở hữu (253/46m)	Chưa xác định	253	46m	235,4	116,1	-	116,1	-	-	-	-	116,1	-	116,1	-	116,1	-	Vị trí 1 (từ mốc HLAĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	2.520.000	292.572.000	Chưa xác nhận
18	255	Lê Thị Mỹ Châu	550 Bùi Đình Túy, P. Bình Thạnh, Tp. HCM	35	227a	4741,7	1281,6	-	1281,6	-	-	-	-	1281,6	-	1281,6	-	1281,6	-	Vị trí 1 (từ mốc HLAĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	2.263.000	2.900.261.000	Chưa xác nhận
19	256	Nguyễn Thanh Hải	611/113A Điện Biên Phủ, P. Bà Cờ, Tp. HCM	35	227b	335	69,9	-	69,9	-	-	-	-	69,9	-	69,9	-	69,9	-	Vị trí 1 (từ mốc HLAĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	2.263.000	158.184.000	Chưa xác nhận
20	257	Hoàng Vũ Uyên Linh	Số 29 Hồ Bá Kiện, P. Hòa Hưng, Tp. HCM	35	227c	2974,3	928,5	-	928,5	-	-	-	-	928,5	-	928,5	-	928,5	-	Vị trí 1 (từ mốc HLAĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	2.263.000	2.101.196.000	Chưa xác nhận
Tổng cộng						13337,9	5398,9	384,1	5014,8	-	384,1	224	160,1	5014,8	220,8	2887,7	1906,3					13.560.511.000	

Bảng chữ: Mười ba tỷ, năm trăm sáu mươi triệu, năm trăm mười một ngàn đồng